

# MỘT SỐ YẾU TỐ THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH LIÊN KẾT KINH TẾ KHU VỰC CỦA TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

NGUYỄN HỒNG NHUNG\*

**T**rong thời gian gần hai thập kỷ qua, thực lực nền kinh tế Trung Quốc được cải thiện đáng kể. Năm 1990, Trung Quốc đứng thứ 10 trên thế giới và đứng thứ 2 trong nhóm các nước đang phát triển về tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Hiện nay, nước này đã đứng vị trí thứ 6 trên thế giới và thứ nhất trong các nước đang phát triển. Có được thành tựu to lớn như vậy, bên cạnh việc kiên trì theo đuổi đường lối lấy kinh tế làm trọng tâm, còn do Trung Quốc tích cực cải cách mở cửa nền kinh tế. Quan hệ kinh tế quốc tế của Trung Quốc được tăng cường rất mạnh trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là thương mại và đầu tư quốc tế. Khả năng xuất khẩu của Trung Quốc đang ngày càng gia tăng. Không những hàng hoá của nước này có mặt ở nhiều nước, mà nhiều sản phẩm của họ đã được đứng vào danh mục các sản phẩm hàng đầu trên thế giới. Đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào đây ngày càng nhiều, tạo tiền đề cho việc cải thiện trình độ công nghệ và gia tăng dự trữ ngoại tệ. Số lượng các đối tác cũng không ngừng được mở rộng. Điều đáng ghi nhận là khi xây dựng chiến

lược phát triển cho thế kỷ mới, các nhà lãnh đạo Trung Quốc luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại, trong đó bao gồm cả việc xây dựng chiến lược châu Á đối với tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Một trong những kết quả quan trọng mà Trung Quốc đã đạt được nhờ những nỗ lực cải cách theo hướng mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu là việc trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 11-2001. Một năm sau đó, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI của ĐCS Trung Quốc, các nhà lãnh đạo nước này đã xác định cần “kiên trì kết hợp mục tiêu “thu hút nguồn vào” và “mở rộng nguồn ra”, nâng cao toàn diện mức độ mở cửa đối ngoại”. Thực tế đó nói lên rằng quá trình hội nhập khu vực và quốc tế của Trung Quốc đã và đang tiếp tục được tăng cường sau khi nước này gia nhập WTO. Bài viết này sẽ phân tích một số yếu tố có tác động thúc đẩy quá trình tăng cường hội nhập đó của Trung Quốc.

\* TS. Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

### 1. Quan điểm rõ ràng của chính phủ Trung Quốc về vấn đề liên kết kinh tế khu vực

Có thể nói, quan điểm của Chính phủ Trung Quốc về vấn đề liên kết kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá kinh tế là rất rõ ràng. Theo họ, quá trình này bao gồm ba mặt – sản xuất, tiền tệ và kỹ thuật, trong đó toàn cầu hoá sản xuất mang tính quyết định. Tham gia vào quá trình này, các nước sẽ có được những cơ hội lớn, song đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức không nhỏ. Những cơ hội mà Trung Quốc đã và đang thu được từ quá trình này là thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, chiếm lĩnh thị trường thế giới, thu hút đầu tư và công nghệ từ bên ngoài và có thể đầu tư ra nước ngoài, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và giải quyết vấn đề việc làm. Những thách thức mà họ phải đối mặt là sự phụ thuộc của nền kinh tế vào bên ngoài gia tăng do quan hệ buôn bán với các nước tăng lên, phải mở cửa thị trường trong nước, phải cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước, phải đối mặt với nạn “chảy máu chất xám”... Thế nhưng, các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng cơ hội vẫn lớn hơn thách thức, nếu có được các chính sách phù hợp và thông qua hội nhập khu vực và quốc tế, sẽ đạt được mục tiêu cơ bản nhất là xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường XHCN đặc sắc Trung Quốc nhằm đưa Trung Quốc trở thành một nước hùng mạnh, có vị thế trên thế giới.

Những thành tựu kinh tế to lớn mà Trung Quốc đã đạt được trong những

thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối kinh tế đối ngoại mà Chính phủ nước này đang theo đuổi. Bước sang thế kỷ XXI, để thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế của mình, xuất phát từ vị thế đang gia tăng của Trung Quốc ở châu Á - Thái Bình Dương nói riêng và trên thế giới nói chung, Chính phủ Trung Quốc chủ trương tiếp tục tham gia tích cực vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế. Một mặt, Trung Quốc coi việc xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị với các nước xung quanh, mà trước hết là với các nước Đông Nam Á, là một khâu quan trọng trong chiến lược đối ngoại. Từ trước đến giờ, Trung Quốc chưa có chiến lược châu Á của mình như Nhật Bản, Mỹ và EU. Song thực tiễn đã cho thấy rằng Trung Quốc cần phải xây dựng chiến lược châu Á, để qua đó nói rõ quan điểm, lợi ích và mục tiêu của mình ở châu lục này. Mặt khác, Trung Quốc quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng quan hệ với EU, cải thiện quan hệ với Mỹ và Nhật Bản, cũng như các khu vực còn lại của thế giới. Nói cách khác, hợp tác quốc tế (khu vực và toàn cầu) tiếp tục là xu hướng chủ đạo trong quan hệ kinh tế quốc tế cũng như trong lĩnh vực đối ngoại nói chung của Trung Quốc hiện đại.

### 2. Sự chuyển hướng trong chính sách phát triển kinh tế

Vào năm 2000, Chính phủ Trung Quốc đã quyết định chuyển trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế đất nước từ miền Đông sang miền Tây – nơi chiếm tới 57% tổng diện tích đất đai và 23% dân số của cả nước, song đồng thời

cũng là nơi cư trú của gần 90% số dân nghèo đói của cả nước. Có một số nguyên nhân dẫn đến sự chuyển hướng này. Đó là gia tăng sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, đặc biệt là giữa các tỉnh miền Tây và vùng duyên hải, cầu trong nước tăng trưởng chậm lại, những thách thức cần phải đối mặt khi gia nhập WTO, đặc biệt là nguy cơ gia tăng thất nghiệp trong ngành nông nghiệp và các doanh nghiệp nhà nước ở miền Tây, và môi trường sinh thái ở miền Tây đang bị sói mòn nghiêm trọng.

Chính phủ Trung Quốc coi việc phát triển miền Tây là một nhiệm vụ lâu dài của mình. Nó đòi hỏi sự cố gắng liên tục của nhiều thế hệ. Năm 2000 được coi là một bước ngoặt của quá trình cân bằng phát triển giữa các vùng của đất nước rộng lớn này. Năm đó, Chính phủ đã phân bổ 70% tổng số tiền huy động được từ trái phiếu, 70% tổng vay nợ của nước ngoài cho khu vực này. Nhiều dự án lớn trong lĩnh vực xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải và bảo vệ môi trường sinh thái ở đây đã được phê chuẩn và thực hiện. Bên cạnh đó, những chính sách ưu đãi mà trước đây Chính phủ đã áp dụng với các tỉnh miền Đông, nay lại được áp dụng cho các tỉnh miền Tây, trong đó bao gồm cả các chính sách liên quan đến thương mại quốc tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Từ thực tiễn sinh động về những thành tựu trong phát triển kinh tế của miền Đông nhờ chiến lược mở cửa nền kinh tế, Chính phủ Trung Quốc càng nhận thức rõ vai trò của tăng cường liên kết kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của miền Tây trong tương lai.

### 3. An ninh chính trị của Trung Quốc được cải thiện rõ rệt

Kể từ khi tiến hành chuyển đổi nền kinh tế sang kinh tế thị trường, Chính phủ Trung Quốc đã rất quan tâm đến vấn đề cải thiện quan hệ với các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU và với các nước đang phát triển ở châu Á - Thái Bình Dương. Xuất phát từ nhu cầu thực hiện bốn mục tiêu của công cuộc hiện đại hoá (công nghiệp, nông nghiệp, khoa học kỹ thuật và quân sự), Trung Quốc đã coi các nước lớn gồm Mỹ, Nhật Bản, EU là những đối tác quan trọng, bởi họ là những nước có khả năng cung cấp cho Trung Quốc những kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Trong quan hệ với các nước này, các nhà chiến lược Trung Quốc chủ trương cần tránh đối kháng trực tiếp. Chính phủ Trung Quốc còn đưa ra những khẩu hiệu, những nguyên tắc cụ thể áp dụng trong quan hệ với từng đối tác.

Tháng giêng năm 1992, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã đưa ra 16 chữ trong quan hệ với Mỹ là tăng cường tin cậy, giảm bớt phiến hà, phát triển hợp tác, không gây đối đầu. Một thời gian sau đó, tháng 11 năm 1993, Giang Trạch Dân lại đề ra 5 nguyên tắc phát triển quan hệ Trung - Mỹ. Đó là: 1) Hai bên phải nhìn xa trông rộng đối với cục diện thế giới và tầm nhìn tới thế kỷ XXI, xuất phát từ phạm vi rộng lớn và quan điểm nhìn xa để xử lý quan hệ Trung - Mỹ; 2) Tôn trọng lẫn nhau về tình hình thực tế và sự lựa chọn của mỗi nước, xoá bỏ sự khác biệt về hình thái ý thức làm ảnh hưởng đến quan hệ hai

nước, lấy tinh thần hữu nghị để xử lý tất cả những vấn đề hai bên quan tâm; 3) Lợi dụng đầy đủ các ưu thế và đặc điểm kinh tế của mỗi bên, trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện và sự hợp tác kinh tế giữa hai nước; 4) Tăng cường hiệp thương và hợp tác giữa hai nước về các vấn đề quốc tế và trong các tổ chức quốc tế; 5) Tăng cường qua lại và giao lưu với nhau, đặc biệt là sự viếng thăm và tiếp xúc của các vị đứng đầu Nhà nước. Đối với các đối tác lớn khác như Nhật Bản, EU, Nga và ASEAN, Trung Quốc cũng đã đưa ra những nguyên tắc rất cụ thể, thể hiện rõ thiện chí tăng cường hợp tác của chính phủ nước này.

Trong thời gian qua, quan hệ giữa Trung Quốc với Mỹ, Nga, Nhật Bản, EU và ASEAN được cải thiện đáng kể. Nhiều cuộc viếng thăm của các nhà lãnh đạo cấp cao giữa các nước này đã được thực hiện. Tại đó, nhiều vấn đề khu vực và quốc tế đã được đưa ra thảo luận, thống nhất quan điểm hành động, nhiều văn kiện quan trọng liên quan đến việc điều tiết các hoạt động đối ngoại đã được ký kết. Tuy vẫn còn những thăng trầm, song nhìn chung, quan hệ giữa Trung Quốc với các nước đối tác lớn đã thể hiện rõ tinh thần hợp tác của cả đôi bên. Tinh thần này được thể hiện đặc biệt rõ nét sau sự kiện “11 tháng 9”, khi Trung Quốc chủ trương tiếp tục thực hiện chính sách ngoại giao toàn phương vị, ưu tiên phát triển quan hệ với các nước láng giềng, thúc đẩy quan hệ với các nước lớn, tăng cường quan hệ hợp tác với các nước thế giới thứ ba. Các nước lớn cũng mong

muốn có sự hợp tác toàn cầu trong cuộc đấu tranh chống khủng bố và giải quyết các vấn đề toàn cầu khác, nhằm đạt được sự ổn định về chính trị – yếu tố quan trọng để đạt được sự ổn định trong phát triển kinh tế toàn cầu.

#### 4. Sự thay đổi cách nhìn nhận về yếu tố Trung Quốc của các nước đối tác

Hiện tại, môi trường quốc tế đang rất thuận lợi cho việc tăng cường hội nhập của Trung Quốc. Tuy có dự báo cho rằng đến năm 2020, Trung Quốc sẽ ngang bằng nước Mỹ hiện nay về thực lực kinh tế, song nhiều nước trên thế giới đã không còn coi Trung Quốc là mối đe dọa. Họ đã thay đổi quan điểm của mình về Trung Quốc và thể hiện thiện chí muốn tiến hành hợp tác toàn diện với nước này. Nổi bật nhất trong số họ là các nước EU và ASEAN. Về cơ bản, sự xích lại gần nhau giữa Trung Quốc với EU, Trung Quốc với ASEAN chủ yếu được tạo nên bởi những lợi ích tiềm tàng do sự hợp tác giữa họ sẽ mang lại, trước hết là khả năng mở rộng thị trường, tiếp cận được với nguồn vốn và công nghệ hiện đại để phục vụ cho tăng trưởng kinh tế.

Vào năm 1994, EU đã công bố chiến lược châu Á mới của mình. Từ đó đến nay, EU đã đưa ra nhiều văn kiện quan trọng, liên quan đến việc điều chỉnh chiến lược và chính sách của mình đối với châu Á, trong đó có văn kiện: “Châu Âu và châu Á: Một khuôn khổ chiến lược cho quan hệ đối tác đã được gia tăng”, công bố tháng 9/2001. Sự thay đổi này một phần được xây dựng dựa trên những đánh giá của EU về tình hình và triển

vọng phát triển kinh tế của Trung Quốc từ khi bắt đầu cải cách. EU cho rằng địa vị quốc tế của Trung Quốc đang ngày càng lớn mạnh, do quá trình cải cách của đất nước này đang tạo cho nó những điều kiện phát triển rất thuận lợi. Các nước châu Âu không coi Trung Quốc là mối đe dọa của Mỹ, của châu Á và của cả thế giới, và do đó nó không thể là mối đe dọa của châu Âu. Hơn nữa, hợp tác với Trung Quốc, EU sẽ có cơ hội tiếp cận với một thị trường lớn và nhu cầu đa dạng. Với chiến lược châu Á và nhận thức mới về Trung Quốc, EU đã tích cực tham gia vào các hoạt động của ASEM, tổ chức các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa các nhà lãnh đạo EU và Trung Quốc, nhằm nâng quan hệ song phương này lên tầm cao mới.

Đối với các nước Đông Á nói chung và với các nước ASEAN nói riêng, Trung Quốc được coi là một đối thủ cạnh tranh đáng gờm và họ cần phải có những giải pháp đối phó với “cơn sốt Trung Quốc”. Bởi lẽ Trung Quốc không chỉ là nước duy nhất đạt tăng trưởng kinh tế cao trong một khu vực bị suy yếu trong bối cảnh xảy ra suy thoái kinh tế toàn cầu vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX, mà còn là địa điểm lý tưởng của các nhà đầu tư quốc tế. Các dòng vốn đổ vào đây ngày càng nhiều hơn, đặc biệt khi Trung Quốc đã chính thức trở thành thành viên của WTO cuối năm 2001. Thực tế này đã và đang ảnh hưởng mạnh tới các nước ASEAN – họ đang phải cạnh tranh mạnh với Trung Quốc trong việc thu hút vốn đầu tư quốc tế. Để có thể cạnh tranh với nước láng giềng đầy tiềm năng này

và thu lợi được từ sự bùng nổ các dòng vốn đầu tư vào đây, các nước ASEAN cho rằng cần phải phát triển mối quan hệ nhiều mặt với họ, phải tăng cường liên kết với nhau. Như vậy, có thể nói Trung Quốc là nước đang đặt ra cả cơ hội và thách thức cho các nước ASEAN trong cuộc cạnh tranh giành lợi ích từ thương mại và đầu tư quốc tế. Tại buổi tối khai mạc Hội nghị tiền tệ quốc tế năm 2001, Thủ tướng Singapo lúc đó là ông Goh Chok Tong đã nhận định “Trong thời gian từ ngắn tới trung hạn, đầu tư có thể chuyển hướng từ Đông Nam Á sang Trung Quốc. Nhưng về lâu dài, Đông Nam Á sẽ được lợi từ cuộc trao đổi kinh tế lớn hơn với Trung Quốc. Đông Nam Á sẽ phấn đấu cùng với một nước Trung Quốc thịnh vượng”. Cũng vào thời gian này, Chính phủ Trung Quốc đã cho rằng về lâu dài, Trung Quốc và ASEAN nên tăng cường sự hợp tác thông qua việc thành lập khu vực mậu dịch tự do. Ngay sau đó, Hiệp định khung về khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN đã được ký kết, mở đầu cho một bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai bên.

### 5. Triển vọng về việc hình thành một khối kinh tế Đông Á

Trong tương lai, nhiều ý kiến cho rằng triển vọng hợp tác kinh tế khu vực ở Đông Á là khá khả quan và rất có thể trong khu vực này sẽ hình thành một khối kinh tế – thương mại. Nền tảng cho nhận định này được dựa trên thực tế rằng trong phạm vi toàn thế giới, các nước Đông Á được đánh giá là những

nước thu lợi lớn nhất từ tự do hoá thương mại và đầu tư toàn cầu. Vì thế, không lẽ gì các nước này lại không tiếp tục đường lối mở cửa nền kinh tế. Để phục vụ cho lợi ích khu vực, APEC tiếp tục sẽ là một khối thương mại "mở". Với 8 nước đang xin gia nhập, APEC tiếp tục là một tổ chức khu vực lớn nhất toàn cầu. Hoạt động của tổ chức này đang ngày càng được hoàn thiện hơn và bao trùm lên hầu hết các lĩnh vực của nền sản xuất xã hội, với hy vọng tạo cho các nước thành viên đạt được sự tăng trưởng ổn định hơn trong tương lai. Bên cạnh APEC, trong tương lai không xa, ASEAN sẽ trở thành một khu vực mậu dịch tự do và là một cơ sở sản xuất quốc tế hướng ra bên ngoài. Hợp tác giữa ASEAN và Đông Bắc Á sẽ ngày càng được cải thiện hơn. Đó là kết quả của các hoạt động rất tích cực được diễn ra gần đây giữa các nước này trong khuôn khổ ASEAN+3 và ASEAN+1.

Cùng với các hoạt động trong lĩnh vực tự do hoá thương mại và đầu tư, các nước Đông Á còn rất quan tâm đến việc phát triển hợp tác khoa học - kỹ thuật, hợp tác chuyên ngành và trong các lĩnh vực xã hội có liên quan khác. Gần đây, với việc đưa ra ý tưởng về một "Cộng đồng kinh tế ASEAN", các nước Đông Nam Á đã thể hiện rõ quan điểm ủng hộ sự hợp tác toàn diện trong khu vực. Hơn nữa, có nhiều cơ sở để cho rằng Đông Á có nhiều khả năng trở thành một mạng lưới sản xuất hướng ra thị trường thế giới. Theo kết quả một công trình nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, các nước Đông Á tuy có lợi thế so sánh trong các

ngành công nghiệp lắp ráp, song không cao như Mexico - nước này có lợi thế so sánh trong lắp ráp 70% tổng số các linh kiện đang được trao đổi trong thương mại quốc tế, còn các nước Đông Á chỉ có 40%. Cũng theo công trình này, bên cạnh Nhật Bản, Đài Loan và Singapo, nhiều nước khác trong khu vực đã thể hiện rằng họ có lợi thế so sánh trong việc sản xuất linh kiện, như Thái Lan, Malayxia... Triển vọng gia tăng trong trao đổi linh kiện ở khu vực cộng với việc tiếp tục theo đuổi đường lối kinh tế đối ngoại mở cửa là những cơ sở mang tính nền tảng để các nước Đông Á hình thành một mạng lưới sản xuất khu vực hướng ra bên ngoài.

Như vậy, các thể chế khu vực đang tồn tại ở Đông Á là ASEAN và APEC với các chương trình hoạt động đa dạng của chúng sẽ tiếp tục được coi là những cơ chế chính của liên kết kinh tế khu vực. Quan hệ thương mại và đầu tư được phát triển khá năng động giữa các nước Đông Á và triển vọng về việc hình thành mạng lưới sản xuất khu vực là cơ sở để đưa ra dự báo về khả năng hình thành một khối kinh tế - thương mại ở đây. Có điều, được hay không và nếu được thì bao giờ một khối kinh tế - thương mại như vậy sẽ được xuất hiện ở đây? Đó là câu hỏi đang gây ra tranh cãi trong giới nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách. Căn cứ vào thực tế ở Đông Á, có thể thấy rằng để hình thành được một khối như vậy, các nước trong khu vực cần giải quyết một số vấn đề. *Thứ nhất*, theo thống kê của WTO, cho đến đầu thế

kỷ XXI, trong số ít ỏi các nước trên thế giới chưa tham gia vào bất kỳ một khối thương mại khu vực nào lại đều là các nước ở Đông Á. Đó là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Mông Cổ. Vì thế, việc hình thành một khối thương mại toàn khu vực Đông Á sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc các nước này có thay đổi quan điểm của mình hay không về vấn đề liên kết kinh tế khu vực. Thứ hai, không thể có một khối kinh tế – thương mại Đông Á, nếu không tính đến vai trò của Đài Loan và Hồng Kông, những con rồng thế hệ thứ nhất của châu Á với rất nhiều ưu thế trong những ngành công nghệ cao. Và thứ ba, ở Đông Á chưa có được một sự đoàn kết, thống nhất trong toàn khu vực và cũng chưa có được một thế lực vượt trội hơn hẳn để nắm giữ vai trò lãnh đạo, như vị trí của Mỹ ở NAFTA.

Qua phân tích một số yếu tố nêu trên, có thể đi đến nhận định rằng Chính phủ Trung Quốc đã nhận thức rất rõ vai trò của hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, của việc “thu hút nguồn vào” và “mở rộng nguồn ra” đối với quá trình tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Trong điều kiện chưa thể hình thành một khối thương mại bao trùm toàn bộ Đông Á, Trung Quốc cần phải có bước đi riêng cho mình để tăng cường sự hiện diện trong khu vực, để nâng cao vị thế của mình trong tương lai. Trên nền tảng đó, ngay sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã ký kết hiệp định khung với ASEAN về việc thành lập khu vực mậu

dịch tự do, mở rộng quan hệ với Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước khác.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Đại Lộc, *Trung Quốc gia nhập WTO - Nhận xét và khuyến nghị*, Viện Kinh tế thế giới, 2003.
2. Lê Văn Sang, *Nhân tố ASEAN trong sự phát triển kinh tế của Trung Quốc*, Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, số 4, tháng 12-1999, tr.33-37.
3. Cổ Tiểu Tùng, *Trung Quốc: chính sách ngoại giao hoà bình độc lập tự chủ, coi trọng phát triển mối quan hệ láng giềng với các nước Đông Nam Á*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 2, 2003, tr.44-52.
4. Nguyễn Kim Bảo, *Đại hội XVI với vấn đề kiên trì kết hợp mục tiêu “thu hút nguồn vào” và “mở rộng nguồn ra” nâng cao toàn diện mức độ mở cửa kinh tế đối ngoại*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 2, 2003, tr. 21-27.
5. Phạm Thái Quốc, *Kinh tế Trung Quốc sau hai năm gia nhập WTO*, Viện Kinh tế thế giới, 2003.
6. Gu Xiaosong, *To build economic corridor from Bangkok to Nanning – Order to promote the cooperation between Indo-China peninsula and Southern China*, paper forr international workshop on “East Asia Economic Cooperation Arrangements towards a New International Economic System in the 21th Centurry”, held in Hanoi, Vietnam on Nov. 27-28, 2003.
7. James C. Hsiung, *The Aftermath of China's Accession to the World trade Organization*, Independent Review, Summer 2003.
8. Tin Kinh tế, các năm 2001- 2/2004.